

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày 21-6-2022

V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của
người chết để lại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải; Ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2021/TLST-DS, ngày 10/11/2021, về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS, ngày 10/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2022/QĐST-DS, ngày 27/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (tên gọi tắt E).

Địa chỉ : số 72 Lê Thánh T, Phường B, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L, Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu V - Chi nhánh B (nay là Chi nhánh Đ) (theo Giấy ủy quyền số 125/2021/EIB/UQ-TGD ngày 20/09/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Văn T – Trưởng phòng Khách hàng Cá nhân Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu V - Chi nhánh B (nay là Chi nhánh Đ) theo văn bản ủy quyền số 135/2021/EIBBMT-GĐ, ngày 23/9/2021.

Địa chỉ: 310 Nguyễn Tất T, phường T, tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Bà Đào Thị B, sinh năm 1971 - Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn N (đã chết năm 2019)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 04/11/2021), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 25/04/2019, anh Nguyễn Văn N có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (E), chi tiết như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019; Số tiền vay: 270.000.000 đồng; Dư nợ hiện tại: 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 25/4/2019 đến ngày 25/3/2020; Lãi suất cho vay 11.5%/năm, chu kỳ thay đổi lãi suất 1 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi là 10%/năm lãi tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để bảo đảm cho món vay, bên vay đã thế chấp tài sản hợp pháp của mình sau đây: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91; Tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 14.686,7 m² đất trồng cây hàng năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 cho ông Nguyễn Văn N. Tài sản trên được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 172/2019/EIBBMT/HĐTC ngày 25/04/2019, công chứng tại Phòng công chứng số 2 Tỉnh Đắk Nông ngày 25/04/2019, số công chứng 533, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm số thứ tự 01, ngày 25/04/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai K, tỉnh Đắk Nông theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, bà Đào Thị B – người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn N mới nộp 23.659.393 đồng tiền lãi đến ngày 25/01/2020. Tuy nhiên do anh N chết ngày 16/5/2019 nên Ngân hàng thực hiện thu lãi đến ngày 16/5/2019 số tiền 1.786.438 đồng, số tiền còn lại được thu vào nợ gốc là 21.872.955 đồng. Kể từ ngày 26/01/2020 đến nay bà Đào Thị B – người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đến hạn cho Ngân hàng. Như vậy bên vay vốn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 26/01/2020 cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (E) - Chi nhánh Đ yêu cầu anh Nguyễn Văn N – Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Đào Thị B thanh toán với tổng số tiền là: 350.305.000 đồng, trong đó nợ gốc: 270.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/9/2021 là lãi trong hạn 5.548.000 đồng và lãi quá hạn 74.757.000 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thu hồi xong nợ.

Trường hợp bà Đào Thị B – Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn N không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Nguyên đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 172/2019/EIBBMT/HĐTC, ngày 25/04/2019, công chứng tại Phòng công chứng số 2

Tỉnh Đắk Nông ngày 25/04/2019, số công chứng 533, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai K, tỉnh Đắk Nông để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91; Tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 14.686,7 m² đất trồng cây hàng năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 cho ông Nguyễn Văn N để thu hồi nợ.

Nếu giá trị tài sản không đảm bảo phát mãi không đủ thanh toán nợ thì bà B tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ các khoản nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt vi phạm do chậm trả lãi và phí phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi nội dung là yêu cầu bị đơn bà Đào Thị B phải thực hiện nghĩa vụ do anh Nguyễn Văn N chết để lại trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (E) - Chi nhánh Đ theo hợp đồng tín dụng số 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019 tính đến ngày xét xử với tổng số tiền gốc là: 248.127.045 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Trường hợp bà Đào Thị B không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Nguyên đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản trong phạm vi giá trị di sản mà anh Nguyễn Văn N đã thế chấp cho Nguyên đơn theo Hợp đồng thế chấp số 172/2019/EIBBMT/HĐTC, ngày 25/04/2019, công chứng tại Phòng công chứng số 2 Tỉnh Đắk Nông ngày 25/04/2019, số công chứng 533, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai K, tỉnh Đắk Nông để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91; Tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 14.686,7 m² đất trồng cây hàng năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 cho ông Nguyễn Văn N để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Đào Thị B phải nộp toàn bộ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị B phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Biên bản lấy lời khai bị đơn bà Đào Thị B – Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Văn N trình bày:

Bà Đào Thị B thừa nhận là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N (đã chết năm 2019), khi Ngân hàng TMCP XNK V (E) thông báo cho bà biết việc anh Nguyễn Văn N có vay vốn ngân hàng E, sau khi xem hợp đồng thì bà biết được anh N vay vốn với số tiền gốc là 270.000.000 đồng và thế chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91; Tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 14.686,7 m² đất trồng cây hàng năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày

13/3/2019 mang tên ông Nguyễn Văn N. Anh N chưa có vợ và con, do đó bà B có trả lãi cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ số tiền 23.659.393 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ yêu cầu bà Đào Thị B là người thừa kế của ông Nguyễn Văn N thanh toán số tiền gốc và lãi là 350.305.000 đồng, trong đó nợ gốc: 270.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/9/2021 là lãi trong hạn 5.548.000 đồng và lãi quá hạn 74.757.000 đồng thì bà B không có tiền để trả nhưng bà B đồng ý cùng với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ phát mãi tài sản là thửa đất Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91; Tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 14.686,7 m² đất trồng cây hàng năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 mang tên ông Nguyễn Văn N mà anh N vay vốn để trả nợ ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 172/2019/EIBBMT/HĐTC ngày 25/04/2019, công chứng tại Phòng công chứng số 2 Tỉnh Đắk Nông ngày 25/04/2019, số công chứng 533, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm số thứ tự 01, ngày 25/04/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai K, tỉnh Đắk Nông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Đào Thị B phải thực hiện nghĩa vụ do anh Nguyễn Văn N chết để lại là trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ theo Hợp đồng tín dụng số 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019 với tổng số tiền gốc 248.127.045 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng E là trường hợp bà Đào Thị B không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản trong phạm vi giá trị di sản mà anh Nguyễn Văn N thế chấp cho Nguyên đơn theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 172/2019/EIBBMT/HĐTC ngày 25/04/2019, công chứng tại Phòng công chứng số 2 Tỉnh Đắk Nông ngày 25/04/2019, số công chứng 533, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm số thứ tự 01, ngày 25/04/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai K, tỉnh Đắk Nông để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91; Tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 14.686,7 m² đất trồng cây hàng năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 mang tên ông Nguyễn Văn N.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng tính lãi suất.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Văn N (đã chết) - Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh N là bà Đào Thị B phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng số 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019. Quan hệ pháp luật khi thụ lý là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn thay đổi yêu cầu bị đơn bà Đào Thị B phải thực hiện nghĩa vụ do anh Nguyễn Văn N chết để lại là trả nợ cho Nguyên đơn số tiền gốc tính đến ngày xét xử là 248.127.045 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại”. Bà Đào Thị B sinh sống làm việc tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Biên bản xác minh của Ủy ban xã Đ thể hiện, anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994, chết vào ngày 16/5/2019 là con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và con bà Đào Thị B, sinh năm 1971, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Anh N chưa có vợ và con, đến thời điểm hiện tại anh N không có tài sản thừa kế nào khác ngoài thửa đất đã thế chấp cho Ngân hàng, cũng không lập di chúc và mở thừa kế theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 651 của Bộ luật dân sự, Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định bà Thị B thuộc hàng thừa kế thứ nhất là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng thực hiện nghĩa vụ do anh Nguyễn Văn N chết để lại nên bà B phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đ.

Bà Đào Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Bồng.

[2] Về yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD2004900035 ngày 27/02/2020 và Giấy nhận nợ số 01/LD2004900035 ngày 27/02/2020:

[2.1] Về chủ thể, nội dung hợp đồng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019 đã xác định được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V- Chi nhánh Đ cho anh Nguyễn Văn N vay số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), Thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 25/4/2019 đến ngày 25/3/2020), mục đích vay đầu tư sản xuất nông nghiệp và mua sắm vật dụng gia đình; Lãi suất cho vay 11.5%/năm, chu kỳ thay đổi lãi suất 1

tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi là 10%/năm lãi tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V- Chi nhánh B (nay là Chi nhánh Đ) và bên vay là anh Nguyễn Văn N. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Theo hợp đồng tín dụng số 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019 thì anh Nguyễn Văn N vay tổng số tiền là 270.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 25/3/2020. Nguyên đơn yêu cầu bà Đào Thị B phải thực hiện nghĩa vụ do anh Nguyễn Văn N chết để lại là trả nợ cho Nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 248.127.045 đồng.

Tại khoản 3 Điều 422 của Bộ luật dân sự quy định “ *Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây “...3. Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện; ...”*.

Tại Điều 615 của Bộ luật dân sự quy định thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại “*1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. 2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại. 3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. 4. Trường hợp người thừa kế không phải là cá nhân hưởng di sản theo di chúc thì cũng phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như người thừa kế là cá nhân”*.

Tại Điều 651 của Bộ luật dân sự quy định Người thừa kế theo pháp luật

“*1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:*

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;...”

Đến ngày 16/5/2019 anh N chết không trả gốc 270.000.000 đồng. Bà Đào Thị B đã nộp 23.659.393 đồng tiền lãi đến ngày 25/01/2020. Tuy nhiên do anh N chết ngày 16/5/2019 nên Nguyên đơn thực hiện thu lãi đến ngày 16/5/2019 số tiền 1.786.438 đồng (tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 16/5/2019 là 21 ngày x 11,5%/năm) số tiền còn lại được thu vào nợ gốc là 21.872.955 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà Đào Thị B phải thực hiện nghĩa vụ do anh Nguyễn Văn N chết để lại là trả nợ cho Nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 248.127.045 đồng (270.000.000 đồng - 21.872.955 đồng) là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 172/2019/EIBBMT/HĐTC, ngày 25/04/2019, công chứng tại Phòng công chứng số 2 Tỉnh Đắk Nông ngày 25/04/2019, số công chứng 533, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai K, tỉnh Đắk Nông. Anh N thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 cho ông Nguyễn Văn N, thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91, tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 172/2019/EIBBMT/HĐTC, ngày 25/04/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Số 2 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai K theo đúng quy định.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/4/2022, thể hiện quyền sử dụng đất mà anh N thế chấp cho Nguyên đơn đúng với hiện trạng thực tế, thửa đất trên hiện nay thửa đất đã bỏ hoang, không sử dụng.

Xét thấy việc anh N thế chấp quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo hợp đồng tín dụng 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019. Vì vậy, trường hợp bà Đào Thị B không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trong phạm vi di sản mà anh N chết để lại để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 976757, số vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 cho ông Nguyễn Văn N, thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91, tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông cho bà Đào Thị B khi bà B thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

[4]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bà Đào Thị B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Do Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vì vậy bà Đào Thị B có nghĩa

vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ) số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

[5]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đào Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.203.000 đồng (248.127.045 đồng x 5%) (làm tròn). Bà Đào Thị B có nghĩa vụ nộp số tiền 6.203.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo quy định.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ) số tiền 8.758.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (người nộp tiền Trần Văn T) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003081, ngày 09/11/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 14 Điều 26; Điều 35; khoản 2 Điều 244; Điều 235; Điều 147; Điều 155; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016;

Áp dụng các Điều 410, Điều 418, khoản 3 Điều 422, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 615, Điều 651 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V.

1. Buộc Bà Đào Thị B phải thực hiện nghĩa vụ do anh Nguyễn Văn N chết để lại là trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ) theo Hợp đồng tín dụng số 1201-LAV-190037537 ngày 25/04/2019 theo Giấy nhận nợ số 1201-LDS-190000994 ngày 25/4/2019 với số tiền gốc 248.127.045 đồng trong phạm vi di sản của anh Nguyễn Văn N để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn tự nguyện rút, nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng E trường hợp bà Đào Thị B không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V- Chi nhánh Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản trong phạm vi giá trị di sản mà anh Nguyễn Văn N thế chấp cho Nguyên đơn theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 172/2019/EIBBMT/HĐTC ngày 25/04/2019, công chứng tại Phòng công chứng số 2 Tỉnh Đắk Nông ngày 25/04/2019, số công chứng 533, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký giao dịch bảo đảm số thứ tự 01, ngày 25/04/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai K, tỉnh Đắk Nông để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91; Tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; diện tích: 14.686,7 m² đất trồng cây hàng năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 976757, sổ vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 mang tên ông Nguyễn Văn N để thu hồi nợ.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 976757, sổ vào sổ cấp giấy GCN CS 04630 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/3/2019 cho ông Nguyễn Văn N, thửa đất số 100 tờ bản đồ số 91, tọa lạc tại thôn Đắk Na, xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông khi bà Đào Thị B thanh toán xong các khoản nợ cho Nguyên đơn.

4. Bà Đào Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ) số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đào Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.203.000 đồng. Bà Đào Thị B có nghĩa vụ nộp số tiền 6.203.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo quy định.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V - Chi nhánh Đ) số tiền 8.758.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu V (người nộp tiền Trần Văn T) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003081, ngày 09/11/2021.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CC THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi